

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2023/DS-ST

Ngày 15 tháng 6 năm 2023

V/v tranh chấp: Hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Huỳnh Hường
2. Ông Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí L, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: C10, C, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Phi A, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 06/4/2023, cùng các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Chí L trình bày:* Ông với ông Nguyễn Phi A có thực hiện giao dịch mua bán các loại mặt hàng điện máy như: Máy lọc nước, tủ lạnh, máy giặt và máy năng lượng theo đơn đặt hàng với nhau từ trước. Đến ngày 26/9/2022, phía ông Phi A có nhận mua của ông L một đơn hàng, số tiền 52.920.000 đồng và cam kết trả trong thời hạn 10 ngày, có lập tờ cam kết vào ngày 31/10/2022. Nhưng sau đó không trả. Ông L có đơn yêu cầu đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện C nơi ông Phi A đang tạm trú để giải quyết. Tại biên bản hòa giải ngày 17/11/2022, ông Phi A thừa nhận có nợ số tiền 52.920.000 đồng và đồng ý trả trong hai đợt. Đợt 1: Trả 30.000.000 đồng vào ngày 27/11/2022. Đợt 2: Trả số tiền còn lại 22.920.000 đồng vào ngày 07/12/2022 nhưng đến nay không trả.

Tại đơn khởi kiện ông L yêu cầu ông Nguyễn Phi A trả cho ông số tiền gốc 52.920.000 đồng và tính lãi suất 1.000.000 đồng/tháng (từ ngày 26/9/2022 đến ngày 26/3/2023) = 7 tháng x 1.000.000 đồng = 7.000.000 đồng. Tổng số tiền 59.920.000 đồng.

Tại phiên tòa ông thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất ông yêu cầu tính lãi suất chậm trả kể từ ngày ông Phi A cam kết trả nợ ngày 05/11/2022 đến ngày 05/6/2023 là 07 tháng/52.920.000 đồng x 0,83%/tháng = 3.000.000 đồng. Tổng cộng 55.920.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần, bị đơn ông Nguyễn Phi A đều vắng mặt không có lý do chính đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về thẩm quyền:* Ông Nguyễn Phi A có nơi cư trú tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; nội dung tranh chấp là hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã ban hành Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (02 lần), Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và tổng đạt hợp lệ cho ông Nguyễn Phi A nhưng ông Phi A đều vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Bộ luật tố tụng dân sự; xét xử vắng mặt ông Phi A theo quy định. Ông Phi A không xuất trình bất kỳ tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung tranh chấp:* Theo nguyên đơn trình bày, vào ngày 26/9/2022 nguyên đơn có giao dịch mua bán các mặt hàng điện máy cho ông Phi A theo đơn đặt hàng. Ngày 31/10/2022, ông Phi A có làm giấy nhận nợ số tiền 52.920.000 đồng và cam kết đến ngày 05/11/2022 trả số tiền trên nhưng đến nay không trả. Số tiền nợ này là do các bên có giao dịch mua bán mặt hàng điện máy với nhau còn thiếu lại. Từ khi làm giấy nhận nợ đến nay phía ông Phi A không trả. Do ông Phi A vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên khởi kiện yêu cầu trả.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Phi A có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 52.920.000 đồng. Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về tính lãi suất. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện

của mình; trong giai đoạn xét xử nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án giấy cam kết nhận nợ ngày 31/10/2022, có thể hiện chữ ký, chữ viết tên ông Nguyễn Phi A; biên bản hòa giải cơ sở ngày 17 tháng 11 năm 2022, có thể hiện nội dung ông A thừa nhận còn nợ lại số tiền 52.920.000 đồng và đồng ý trả.

Xét, giao dịch mua bán các mặt hàng điện máy giữa ông Nguyễn Chí L với ông Nguyễn Phi A là thực tế. Mặc dù bị đơn vắng mặt nhưng đã nhận giấy và đã biết việc ông L khởi kiện đòi số tiền trên nhưng không có ý kiến gì phản hồi. Do đó, căn cứ giấy nhận nợ ngày 31/10/2022, biên bản hòa giải cơ sở ngày 17/11/2022 nên đây được xem là chứng cứ có thật, không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất từ khi bị đơn cam kết trả nợ ngày 05/11/2022 đến ngày 05/6/2023 là 07 tháng theo mức lãi suất 0.83%/tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Mặc dù trong biên nhận nợ ngày 31/10/2022 không có quy định về lãi suất nhưng kể từ khi phía bị đơn cam kết thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì phải chịu lãi suất chậm trả. Do các bên không có thỏa thuận về lãi suất nên lãi suất được điều chỉnh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, nguyên đơn yêu cầu tính lãi 0.83%/tháng theo quy định là có căn cứ được chấp nhận.

Số tiền lãi được tính trên tổng số tiền gốc 52.920.000 đồng x 0,83%/tháng 439.236 đồng x 07 tháng = 3.000.000 đồng.

[4] *Về án phí*: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đã dự nộp được nhận lại. Bị đơn ông Nguyễn Phi A phải chịu án phí trên số tiền buộc trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 khoản 2 và khoản 4 Điều 91, Điều 92, khoản 3 Điều 144, Điều 196, Điều 205, Điều 208, Điều 210, khoản 1 Điều 220, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 429, Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Phi A có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Chí L, số tiền 55.920.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày ông Nguyễn Chí L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Phi A không thi hành xong khoản tiền trên, ông Nguyễn Phi A còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Phi A phải nộp số tiền 2.796.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn đồng*), ông Nguyễn Chí L được nhận lại số tiền 1.498.000 đồng theo biên lai thu số 0006511 ngày 06/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

3. Án xử sơ thẩm công khai: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Trần Văn Thời;
- đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công